39. Thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào - Campuchia đối với xe phi thương mại

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Tổ chức, cá nhân (có Giấy phép bị hết thời hạn hoặc Giấy phép bị hư hỏng, Giấy phép bị mất) chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì sẽ cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay trong ngày làm việc để người nộp hoàn thiện hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

- Bước 3: Trong thời hạn 03 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy phép vận tải cho phương tiện. Trường hợp không cấp lại giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

-Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện. Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, các nhân với

phương tiện đó.

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo bản sao có chứng thực Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia.

+ Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về Sở Giao thông vận tải; trường hợp mất Giấy phép phải có công văn báo cáo và cam kết về việc mất Giấy phép.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận cho phương tiện hoặc văn bản nêu rõ lý do từ chối không cấp giấy phép.

h) Lệ phí: 50.000 đồng/ lần/ phương tiện

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (Phụ lục VII Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

PHỤ LỤC VII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHEP LIEN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/tổ chức đề nghị cấp giấy phép	**CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHEP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:. .....số Fax: .....
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số .....ngày cấp .....cơ quan cấp phép ..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã).
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất- Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	**11**
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐ b) Cá nhân: ☐

c) Phục vụ Hoạt động của doanh nghiệp, HTX: ☐ d) Mục đích khác: ☐

.....,ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

40. Thủ tục gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia

a) bTrình tự thực hiện:

-Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì sẽ cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn giấy phép vận tải cho phương tiện. Trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

-Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu)

+ Giấy phép liên vận CLV;

+ Giấy đăng ký phương tiện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trực tiếp lên Giấy phép vận tải hoặc

văn bản nêu lý do không gia hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn (Phụ lục VIII Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn Giấy phép liên vận và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia gặp trường hợp bất khả kháng (thiên tai, tai nạn giao thông, hỏng phương tiện không thể sửa chữa tại Việt Nam) (theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

PHỤ LỤC VIII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CHO PHƯƠNG TIỆN CỦA LÀO, CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép liên vận của Lào, Campuchia Company name applying for extension of Laos, Cambodia Cross-border Transport Permit	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness ----------

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV
APPLICATION FOR EXTENSION OF CAMBODIA-LAOS-VIET NAM CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (To):……

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): Name (organization or individual)……

2. Địa chỉ: (Address) ……

3. Số điện thoại: (Tel No.) ……Số Fax: (Fax No.): ……

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số (Business Registration Certificate or Investment License No.:……

Ngày cấp (Date of issue)…… Cơ quan cấp (Issuing Authority) ……

5. Đề nghị Sở GTVT ……gia hạn Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau: Kindly request Provincial Transport Department of…….to extend the validity of Cambodia - Laos - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s):

- Biển số xe xin gia hạn (Registration No.):……

- Giấy phép liên vận CLV số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp:..... Có giá trị đến: ……

Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:... (Date of issue).... (Issuing Authority)...Date of expiry ……

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ……năm ……

Date of entry into Viet Nam: ……..month …….year ……..

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

Proposed to extend duration (choose one of the two following options):

+ Gia hạn giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm

Extension for..days, from date……. month…… year... ...to date….. month... year .....

+ Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....

Extension of Journey:….days, from date... month... year... to date .... month... year...

6. Lý do đề nghị gia hạn (The reasons for extension):……

7. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ. (To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Memorandum of Understanding between the Governments of the Kingdom of Cambodia, the People's Democratic Republic of Laos and the Socialist Republic of Vietnam on Road of Transport).

……, ngày (Date)……tháng (month)…..năm (year)…….

Đại diện đơn vị (Representative of the Company)

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền

(Driver, vehicle owner or authorized person)

41. Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì sẽ cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính).

- Bước 3: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận đơn vị vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác. Trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

-Bước 4: Doanh nghiệp, hợp tác xã căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếuGiấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến;

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đơn vị khai thác tuyến hoặc văn bản nêu rõ lý do từ chối chấp thuận khai thác tuyến.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (Phụ lục IX Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT);

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia (Phụ lục X Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo điều kiện kinh doanh tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

PHỤ LỤC IX

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải
Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... số Fax: .....

4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: .....Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi:.....Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình chạy xe: .....

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC X

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải	**CỘNG HOA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến: .....đi .....và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: .....km.

Lộ trình: .....

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+.....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc .....giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc..... giờ.

+.....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: .....km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:.....đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lộ trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....
- Điểm dừng thứ hai: .....
- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lượt về từ Bến xe .....đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lộ trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....
- Điểm dừng thứ hai: .....
- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ .....đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
I	2	3	4	5	6
I					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-.....

-.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: .....đồng/HK
- Giá vé chặng (nếu có): .....đồng/HK

Giá vé	đồng/HK
Trong đó: - Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:.....(ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

42. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết và đóng lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm :

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

+ Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh

doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ

+ Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi).

- Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí :Mức thu lệ phí cấp giấy phép lần đầu: 200.000 đồng/giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 1 Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Phụ lục 6 Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 3 Thông tư số: Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

-Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 30/07/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức thu, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014 /TT-BGTVT ngày07tháng11năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh: .

Số: ..... /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP

GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT .....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....

3. Địa chỉ trụ sở: .....

4. Số điện thoại (Fax): .....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....do.....cấp

ngày ..... tháng..... năm .....

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp: .....

7. Xin cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-.....

-.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014 /TT-BGTVT ngày07tháng11năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ..... /.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: …. (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Mẫu: Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014 /TT-BGTVT ngày07 tháng11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: ..... /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN

KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4: Nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ VTĐB)

Bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Lập và thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị theo mẫu quy định; thống kê, phân tích tai nạn giao thông, tổ chức rút kinh nghiệm trong đội ngũ lái xe và cán bộ quản lý của đơn vị; cập nhật vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị.

2. Xây dựng và thực hiện quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu quy định

3. Kiểm tra các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi xe tham gia hoạt động; đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chế độ kiểm định kỹ thuật và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình trạng kỹ thuật phương tiện.

4. Quản lý, theo dõi các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện để kịp thời cảnh báo và ngăn chặn các hành vi vi phạm; sử dụng thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phục vụ cho hoạt động quản lý của đơn vị và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thông tin bắt buộc của từng xe ô tô khi có yêu cầu; theo dõi, đề xuất sửa chữa, thay thế kịp thời hư hỏng của thiết bị giám sát hành trình; định kỳ lập báo cáo các hành vi vi phạm của đội ngũ lái xe thuộc đơn vị.

5. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; giáo dục đạo đức nghề nghiệp; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

43. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Bước 3:

+ Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận liên hệ nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh:

• Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại

(theo mẫu);

• Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

• Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

+ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn Giấy phép:

• Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);

• Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

•Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

+ Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng:

• Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);

• Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng.

+ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị mất:

• Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu);

• Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí : 50.000 đồng/ giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 1 Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Phụ lục 6 Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

- Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (Phụ lục 3 Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 30/07/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức thu, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu: Giấy đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh: .....
Số: ..... /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT .....

1. Tên đơn vị vận tải: .....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....
3. Địa chỉ trụ sở: .....
4. Số điện thoại (Fax): .....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do.....cấp ngày ..... tháng..... năm .....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp: .....
7. Xin cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

- .....
- .....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu .

Đại diện đơn vị kinh doanh
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
Số: ..... /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu .

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014 /TT-BGTVT ngày07 tháng11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: ..... /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN

KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường…).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4: Nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/20014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ VTĐB)

Bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Lập và thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải của đơn vị theo mẫu quy định; thống kê, phân tích tai nạn giao thông, tổ chức rút kinh nghiệm trong đội ngũ lái xe và cán bộ quản lý của đơn vị; cập nhật vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của đơn vị.

2. Xây dựng và thực hiện quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu quy định

3. Kiểm tra các điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước khi xe tham gia hoạt động; đôn đốc, theo dõi việc thực hiện chế độ kiểm định kỹ thuật và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình trạng kỹ thuật phương tiện.

4. Quản lý, theo dõi các thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện để kịp thời cảnh báo và ngăn chặn các hành vi vi phạm; sử dụng thông tin từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phục vụ cho hoạt động quản lý của đơn vị và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền những thông tin bắt buộc của từng xe ô tô khi có yêu cầu; theo dõi, đề xuất sửa chữa, thay thế kịp thời hư hỏng của thiết bị giám sát hành trình; định kỳ lập báo cáo các hành vi vi phạm của đội ngũ lái xe thuộc đơn vị.

5. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; giáo dục đạo đức nghề nghiệp; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

44. Thủ tục cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáuvà buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi Sở Du lịch để lấy ý kiến xác nhận;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Du lịch tổ chức kiểm tra phương tiện (kiểm tra tại đơn vị kinh doanh vận tải) và có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định trên mà không có văn bản trả lời, coi như Sở Du lịch đã đồng ý cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải;

+ Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch (theo mẫu).

+ 02 Bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện (theo mẫu) (bản chính).

+ 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải thành phố phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định.

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu.

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Biển hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu "Xe vận tải khách du lịch" (Phụ lục I Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT).

- Bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện (Phụ lục II Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 25/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục I

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....
Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
Trụ sở:.....
Trang thông tin điện tử .....
Tên đăng nhập.....Mật khẩu truy cập.....
Số điện thoại: .....Fax: .....Email.....
Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...do....cấp ngày.../.../.....
Lĩnh vực kinh doanh: ....
Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..... xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1....
2....
3.....
4.....
.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
- Như trên;	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
- Lưu VT.	

Phụ lục II

MẪU BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: _____

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)_____

Trụ sở: _____

Số điện thoại: _____(Fax): _____

Loại xe	Biển số	Màu sơn	Tên hiệu xe	Số khung	Số máy	Năm SX	Thông tin và trang thiết bị													
							(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Dưới 9 chỗ	....																			
Từ 9 đến dưới 24 chỗ	.....																			
Trên 24 chỗ	.....																			

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
- Như trên;	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
- Sở GTVT.....;	
- Sở VHTTDL (Sở Du lịch)...;	
- Lưu VT.	

45. Thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu 10 ngày trước khi biển hiệu hết hiệu lực, Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại biển hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4:Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch (theo mẫu).

+ 02 Bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện (theo mẫu) (bản chính).

+ 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông

vận tải thành phố phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định.

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu.

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Biển hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu "Xe vận tải khách du lịch" (Phụ lục I Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT).

- Bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện (Phụ lục II Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

-Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 25/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn

về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục I

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....
Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
Trụ sở:.....
Trang thông tin điện tử .....
Tên đăng nhập.....Mật khẩu truy cập.....
Số điện thoại: .....Fax: .....Email.....
Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...do....cấp ngày.../.../.....
Lĩnh vực kinh doanh: ....
Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..... xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1....
2....
3.....
4.....
.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
- Như trên;	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
- Lưu VT.	

Phụ lục II

MẪU BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: _____

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)_____

Trụ sở: _____

Số điện thoại: _____(Fax): _____

Loại xe	Biển số	Màu sơn	Tên hiệu xe	Số khung	Số máy	Năm SX	Thông tin và trang thiết bị													
							(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Dưới 9 chỗ	....																			
Từ 9 đến dưới 24 chỗ	.....																			
Trên 24 chỗ	.....																			

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
- Như trên;	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
- Sở GTVT.....;	
- Sở VHTTDL (Sở Du lịch)...;	
- Lưu VT.	

46. Thủ tục cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ,

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Biển hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp biển hiệu "Xe vận tải khách

du lịch (Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BVHTTDL-BGTVT ngày 25/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục I

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP BIỂN HIỆU "XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH"

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....
Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
Trụ sở:.....
Trang thông tin điện tử .....
Tên đăng nhập.....Mật khẩu truy cập.....
Số điện thoại: .....Fax: .....Email.....
Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...do....cấp ngày.../.../.....
Lĩnh vực kinh doanh: ....
Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..... xe (danh sách xe kèm theo)

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
3							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1....
2....
3.....
4.....
.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
- Như trên;	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
- Lưu VT.	

47. Thủ tục cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công ten nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phốHồ Chí Minh và 08 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển số đăng ký tỉnh, thành phố khác, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thựcgiấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản (tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật theo Điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP).

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký tỉnh, thành phố khácthì Sở Giao thông vận tảiphải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định.

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

- Số lượng hồ sơ:01(bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tỉnh, thành phố khác: 08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp (đổi) phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ...../.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

48. Thủ tục cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công ten nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu 10 ngày trước khi phù hiệu hết hiệu lực, Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phốHồ Chí Minhvà 08 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại tỉnh, thành phố khác, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản (tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật theo Điểm a Khoản 2 Điều 13

Nghị định 86/2014/NĐ-CP).

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký tại tỉnh, thành phố khác thì Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định.

+ Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

- Số lượng hồ sơ:01(bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tỉnh, thành phố khác: 08 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp (đổi) phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát

hành trình.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ..... /.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

49. Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại Thành phốHồ Chí Minh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại tỉnh, thành phố khác: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ:01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- 08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển số đăng ký tại tỉnh, thành phố khác.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ..... /.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

50. Thủ tục cấp lại phù hiệu xe trung chuyển

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu 10 ngày trước khi phù hiệu hết hiệu lực, Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Đối với phương tiện mang biển số xe Thành phốHồ Chí Minh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển số xe tỉnh, thành phố khác: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ:01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- 08 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển đăng ký tại tỉnh, thành phố khác.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải được cấp phù hiệu xe trung chuyển.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ..... /.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

51. Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phốHồ Chí Minh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệ u xe nội bộcho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại tỉnh, thành phố khác: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu xe nội bộ cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ:01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- 08 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng kýtại tỉnh, thành phố khác.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ...../.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

52. Thủ tục cấp lại phù hiệu xe nội bộ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tối thiểu 10 ngày trước khi hết hiệu lực, Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều: từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại tỉnh, thành phố khác: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (theo mẫu);

+ Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương tiện mang biển đăng ký tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- 08 ngày làm việc đối với phương tiện mang biển đăng ký tại tỉnh, thành phố khác.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải được cấp phù hiệu xe nội bộ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: .....
Số: ..... /.....

CỘNG HOA XA HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi: .....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại (Fax): .....

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
(2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

53. Thủ tục gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam đối với phương tiện của Trung Quốc hết hạn giấy phép vận tải hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Người lái xe hoặc đại diện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu phương tiện của Trung Quốc hết hạn giấy phép vận tải hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp...) chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đề người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn giấy phép vận tải cho phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

- Bước 4: Người nộp căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép vận tải (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao chụp);

+ Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người lái xe hoặc đại diện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trực tiếp lên Giấy phép vận tải hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do không gia hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn (Phụ lục X của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Phương tiện của Trung Quốc hết hạn giấy phép vận tải hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp..) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

PHỤ LỤC SỐ X

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI
Annex 10. Application form to extend the transport permit
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ GTVT
(Issued enclosed with Circular No.23/2012/TT-BGTVT dated 29 June 2012 of Ministry of Transport of Viet Nam)

Tên đơn vị vận tải **Transport Organization**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **Independence-Freedom-Happiness** **----------**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI
APPLICATION FORM TO EXTEND THE TRANSPORT PERMIT

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
To: Provincial Department of Transport.....

1. Người xin gia hạn (Full Name): .....

.....

2. Địa chỉ (Address): .....

3. Số điện thoại (Tel): ……số Fax (Fax) .....

4. Địa chỉ Email (Email): .....

5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ..... do (cơ quan) (issued by) .....cấp ngày (dated) ……

6. Thời gian hết hạn hoạt động tại Việt Nam (the expiry date in Viet Nam): ..

.....

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định).....
(Reason for extention: explain the reason why you can not come back your country in accordance with the regulation) .....

.....

.....

8. Đề nghị xin gia hạn giấy phép vận tải để khắc phục sự cố trong thời gian: (mấy ngày) ……từ ngày ……đến ngày ……..
Proposal to extend the transport permit in order to resolve the problems from ……to …… (....days).

Trong thời gian được gia hạn tôi xin cam kết thực hiện nghiêm các nội dung quy định trong giấy phép vận tải.

During the extension period, I undertook to implement the contents regulated in the transport permit.

……., Ngày ……tháng….năm…….
….., Date…….(dd/mm/yyyy)
Người xin gia hạn (Organization, individual)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signed, entered full name)

54. Thủ tục Gia hạn đối với phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS hết hạn giấy phép lưu hành tại Việt Nam trong trường hợp bất khả kháng hoặc các nguyên nhân hợp lý

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy(buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đề người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS, việc gia hạn được thực hiện tại mục gia hạn trong sổ theo dõi hoạt động của phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép vận tải đường bộ GMS (bản chính);

+ Sổ theo dõi hoạt động của phương tiện (bản chính);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trực tiếp lên Giấy phép vận tải hoặc văn bản nêu lý do không gia hạn.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn (Phụ lục 5 của Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê-Công mở rộng.

- Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê-Công mở rộng.

PHỤ LỤC 5

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS.

Company, individual applying for extension of GMS Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ GMS
APPLICATION
FOR EXTENDING OF GMS ROAD TRANSPORT PERMIT

Kính gửi *(To)*: ……

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....

2. Địa chỉ:*(Address)*.....

3. Số điện thoại: *(Tel No.)* ……. SốFax: *(Fax No.):*.....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải …… gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of …… to extend the validity of GMS Transport Permit(s) for the following vehicle(s):*

- Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.):*.....

- Giấy phép vận tải đường bộ GMS số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: …. Có giá trị đến:…

GMS Road Transport Permit No.: …… (Date of issue) …… (Issuing Authority)...Date ofexpiry ……..

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày…..tháng…..năm .....

Date of entry into Viet Nam: date…..month……year.....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai): *Proposed extended duration (choose one of the two following options):*

+ Gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS: *....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...*

Extension for GMS Road Transport Permit: ... ... days, from date ... month ... year ... to date ... month ... year ...

+ Gia hạn chuyến đi: ……. ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm …

Extension for Journey: ... . days, from date ... month ... year ... to date ... month ... year...

5. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):*.....

.....

.....

6. Chúng tôi xin cam kết *(We commit):*

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending GMS Transport Permit for vehicles and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định GMS *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the GMS provisions).*

... ..., ngày (date) ... tháng (month) ... năm (year)...

Đại diện đơn vị/ Cá nhân (Representative of the Company/Individual)

Ký tên/Signature

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).

55. Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Đơn vị kinh doanh bến xe hàng chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc qua đường bưu điện,từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy(buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thìcấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp Hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí quy định và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

+ Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh bến xe hàng căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (theo mẫu)

+ Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng;

+ Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng;

+ Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe hàng với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (một) bộ

d) Thời hạn giải quyết: Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh bến xe hàng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoặc văn bản thông báo nêu rõ lý do.

h) Lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (phụ lục 29 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ ngày 28/11/2008. Có hiệu lực thực hiện ngày 01/7/2009.

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/12/2014.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2015.

PHỤ LỤC 29

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:...../.....	....., *ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA.....(tên bến xe hàng).....vào khai thác

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.....
- Địa chỉ:(1).....
- Tổng diện tích đất: (2).....

....(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.

(2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

56. Thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác

a) Trình tự thực hiện:

-Bước 1: Đơn vị khai thác bến xe khách chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn này mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.

Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác

-Bước 4: Đơn vị khai thác bến xe khách căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (theo mẫu);

+ Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ

quan có thẩm quyền;

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách;

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng;

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (theo mẫu).

+ Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị khai thác bến xe khách

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoặc biên bản kiểm tra không đạt.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách theo quy định tại theo Khoản 2.3.1 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.

PHỤ LỤC 1

…… (2) …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……./…… *… … …, ngày tháng năm*

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: …… (1) ……

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2): ……

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ……

3. Trụ sở: ……

4. Số điện thoại (Fax): ……

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… do …….. cấp ngày … tháng … năm …..

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách …….. (3) …… Cụ thể như sau:

- Tên: (3) ……

- Địa chỉ: (4) ……

- Tổng diện tích đất: (5)…… ……

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị ....(1) ….. công bố Bến xe khách ….. (3) ….. đạt quy chuẩn Bến xe loại: ….. (6) ….. và được đưa vào khai thác ….. (2) .... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

Phụ lục 2

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:
(2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại
(Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m^2		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m^2		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			

10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra; vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

57. Thủ tục công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị khai thác bến xe khách chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáuvà buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn này mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.

+ Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

- Bước 4: Đơn vị khai thác bến xe khách căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (theo mẫu);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị khai thác bến xe khách

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định công bố lại hoặc biên bản kiểm tra không đạt.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách vào khai thác (Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị khai thác bến xe khách phải làm hồ sơ và nộp cho Sở Giao thông vận tải đề nghị công bố, xếp loại lại bến xe khách trong các trường hợp:

+ Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;

+ Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

- Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại

bến xe khách theo quy định tại theo Khoản 2.3.1 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi 1:2015.

PHỤ LỤC 4

…… (2) …….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……./…….

… … …, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi: …… (1) ……..

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: ……. (2): ……

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ……

3. Trụ sở: ……

4. Số điện thoại (Fax): ……

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… do ……cấp ngày … tháng… năm …..

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)…… Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của ....(1)….. Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm …..

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị …. (1) ….. tiếp tục công bố đưa Bến xe khách …. (3).... đạt loại: …… (4): …… vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

Phụ lục 2

.....(2).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*....., ngày tháng năm*

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:
(2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại
(Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại ....(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m^2		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m^2		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m^2		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m^2		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			

10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra; vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vịtrí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

58. Thủ tục công bố lần đầu đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

- Bước 4: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu).

+ Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.

+ Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ.

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.

+ Biên bản nghiệm thu xây dựng.

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (theo mẫu).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.

+ Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoặc biên bản kiểm tra không đạt.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Phụ lục 2 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (Phụ lục 3 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại trạm dừng nghỉ theo quy định tại Khoản 2.3 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

Phụ lục 2

……(2)……. **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	*……, ngày tháng năm*

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: …….. (1) ……

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):……
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ……
3. Trụ sở: ……
4. Số điện thoại (Fax): ……
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …….. do …… cấp ngày ……. tháng …… năm ……

Đề nghị (1) kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ …….. (3) …….. thuộc tỉnh:(4) ……. vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3) ……
- Địa chỉ: (5) ……
- Tổng diện tích đất: (6)……

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị ....(1)....công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại: …… (7): …… và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu...	**Đại diện đơn vị** (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi tên tỉnh

(5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ

(6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ

(7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 3

……(2)…….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/…….

……, ngày tháng năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ

Kính gửi: …… (1) ……

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):
……

2. Trụ sở: ……

3. Số điện thoại (Fax): ……

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ……. (3) ……. như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại …(4)…	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	m^2		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m^2		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	m^2		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m^2		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m^2		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại điện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

59. Thủ tục công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu vào buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

+ Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Bước 4: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu).

+ Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

+ Báo cáo kết quả hoạt động (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định công bố lại hoặc biên bản kiểm tra không đạt.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Phụ lục 5 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước) (Phụ lục 3 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT).

- Báo cáo kết quả hoạt động (Phụ lục 6 Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

- Đảm bảo quy định kỹ thuật các hạng mục công trình tương ứng với từng loại trạm dừng nghỉ theo quy định tại Khoản 2.3 Mục II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

Phụ lục 5

……(2)……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	……, *ngày tháng năm*

GIẤY ĐỀ NGHỊ

TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi: …… (1) ……..

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: …… (2): ……..

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): ……..

3. Trụ sở: ……

4. Số điện thoại (Fax): ……

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …… do …… cấp ngày …… tháng …….. năm ……

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: … (3) …….. theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của ....(1) thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị …… (1) …… tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ ….. (3).... đạt loại: ……. (4): ……vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:	**Đại diện đơn vị**
- Như trên;	(Ký tên, đóng dấu)
- Lưu.	

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 3

……(2)…….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/…….

……, ngày tháng năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ

Kính gửi: …… (1) ……

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):
……

2. Trụ sở: ……

3. Số điện thoại (Fax): ……

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ ……. (3) …… như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại …(4)…	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	m^2		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m^2		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	m^2		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m^2		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m^2		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên,đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 6

……(2)……. -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	*……, ngày tháng năm*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: …….. (1) ……..

…… (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3).... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của ….. (1) ….. thời gian được phép khai thác từ ngày ….. tháng ….. năm ….. đến ngày... tháng.... năm ....

…… (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh khai thác.

1. Tổng số phương tiện vào trạm: …… (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)
- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)
- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)
- Xe tải: (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: …….. (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: ……. lượt xe và …….. lượt khách vào trạm.

Trong đó có: ……. xe con; ……..xe khách trên 30 ghế; ……. xe khách dưới 30 ghế và ..... xe tải.

II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:

IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:

Ý kiến của Sở GTVT địa phương (Ký tên, đóng dấu)	**Đại diện đơn vị khai thác trạm** (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Đính kèm hồ sơ gồm:

Họ tên (hoặc Tổ chức đóng dấu).

60. Thủ tục lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Giao thông vận tải công bố Kế hoạch lựa chọn, đơn vị tham gia lựa chọn khai thác tuyến chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ lựa chọn và cấp biên nhận cho người nộp.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải mở hồ sơ lựa chọn đúng thời gian đã quy định và công khai trước sự chứng kiến của đại diện các đơn vị tham gia lựa chọn tham dự, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các đơn vị tham gia lựa chọn. Việc mở hồ sơ phải lập Biên bản. Biên bản mở Hồ sơ lựa chọn phải được ký xác nhận bởi đại diện của Sở Giao thông vận tải và các đơn vị tham dự mở Hồ sơ. Biên bản này phải được gửi cho các đơn vị tham gia lựa chọn nộp Hồ sơ lựa chọn.

- Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức mở hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đề nghị làm rõ hồ sơ lựa chọn (nếu hồ sơ chưa rõ); tiến hành đánh giá tính hợp lệ; đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh; đánh giá về kỹ thuật; tổng hợp kết quả đánh giá và xếp thứ tự các đơn vị tham gia lựa chọn dựa trên tổng số điểm đánh giá về kỹ thuật (đã bao gồm cả điểm cộng hoặc điểm trừ) từ cao xuống thấp.

Các trường hợp làm rõ hồ sơ lựa chọn:

• Trường hợp Hồ sơ của đơn vị tham gia lựa chọn thiếu tài liệu chứng minh năng lực và điều kiện kinh doanh: Sở Giao thông vận tải yêu cầu đơn vị làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi có yêu cầu làm rõ và đảm bảo thời gian theo quy định về thời hạn đánh giá.

• Trường hợp nếu đơn vị tham gia lựa chọn phát hiện Hồ sơ thiếu các tài liệu chứng minh năng lực và điều kiện kinh doanh: đơn vị tham gia lựa chọn được phép gửi tài liệu đến Sở Giao thông vận tải để làm rõ.

Lưu ý: Việc làm rõ Hồ sơ chỉ được thực hiện giữa Sở Giao thông vận tải và đơn

vị tham gia lựa chọn có Hồ sơ cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất Hồ sơ của đơn vị tham gia lựa chọn. Nội dung làm rõ Hồ sơ phải thể hiện bằng văn bản và được Sở Giao thông vận tải bảo quản như một phần của Hồ sơ.

- **Bước 5:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, Sở Giao thông vận tải phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.

Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn phải kèm theo các thông tin về cam kết của đơn vị được lựa chọn khai thác tuyến theo thông tin đã đăng ký trong Hồ sơ lựa chọn để làm cơ sở thực hiện và kiểm tra thực hiện.

Đối với đơn vị tham gia lựa chọn không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn phải nêu rõ lý do đơn vị không được lựa chọn.

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định, Sở Giao thông vận tải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn lên Trang Thông tin điện tử của Sở, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn tới các đơn vị tham gia lựa chọn (bao gồm cả đơn vị được lựa chọn và đơn vị không được lựa chọn).

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Hồ sơ lựa chọn (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 21 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị tham gia lựa chọn khai thác tuyến là các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký tham gia lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Thông báo kết quả lựa chọn đơn vị vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Hồ sơ lựa chọn (Phụ lục 4 của Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tuyến vận tải hành khách cố định phải nằm trong quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Giờ xe xuất bến phải nằm trong biểu đồ chạy xe đã được cơ quan có thẩm quyền công bố và chưa có đơn vị khai thác.

- Giờ xe xuất bến phải có từ 02 đơn vị trở lên đăng ký khai thác tuyến thành công (tính cho cả hai đầu tuyến).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 92/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu Hồ sơ

Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô

HỒ SƠ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KHAI THÁC
TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ

Tuyến vận tải hành khách cố định:_____ ***(ghi tên tuyến vận tải)***

Mã số tuyến: _____

Bến xe đi: _____, **Bến xe đến** _____

Giờ xe xuất bến tổ chức lựa chọn:_____ ***(ghi giờ xe xuất bến)***

Cơ quan tổ chức lựa chọn: _____ ***(ghi tên Sở GTVT tổ chức)***

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
Đại diện hợp pháp của
đơn vị đăng ký lựa chọn
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).

2. Giấy ủy quyền (Mẫu số 2).

3. Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.

4. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng ô tô (Mẫu số 3).

5. Bảng kê phương tiện vận tải hành khách (Mẫu số 4).

6. Bảng đăng ký phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (Mẫu số 5).

7. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.1. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.2. Kê khai năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 6).

8. Đăng ký lao động huy động thực hiện giờ chạy xe (Mẫu số 7).

9. Bảng kê chất lượng dịch vụ.

10. Đảm bảo an toàn giao thông.

10.1. Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 8).

10.2. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 9).

11. Bảng kê đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 10).

Phụ lục 2a

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2015/TT-BGTVT ngày ..... tháng ..... năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /..... *....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ……

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: ……

2. Địa chỉ: ……..

3. Số điện thoại (Fax): ……..

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... do …*(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày ...../...../.....

5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến: ……

Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)

Bến xe đi:..... Bến xe đến:..... (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày.....

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày.....

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:……

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình chạy xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Phụ lục 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... ..., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại……

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

b) Chiều về: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					

2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:…….

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2	…	…	…	…	…
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú

1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
	....			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:……., sức chứa:……, năm sản xuất
- Số lượng xe:……

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:..... /.....	*... ... ..., ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 92/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu Hồ sơ

Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô

HỒ SƠ LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KHAI THÁC
TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH BẰNG XE Ô TÔ

Tuyến vận tải hành khách cố định: _____ ***(ghi tên tuyến vận tải)***

Mã số tuyến: _____

Bến xe đi:_____, Bến xe đến_____

Giờ xe xuất bến tổ chức lựa chọn: _____ ***(ghi giờ xe xuất bến)***

Cơ quan tổ chức lựa chọn: _____ ***(ghi tên Sở GTVT tổ chức)***

……, ngày ….. tháng ….. năm …..

Đại diện hợp pháp của

đơn vị đăng ký lựa chọn

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).

2. Giấy ủy quyền (Mẫu số 2).

3. Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.

4. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng ô tô (Mẫu số 3).

5. Bảng kê phương tiện vận tải hành khách (Mẫu số 4).

6. Bảng đăng ký phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (Mẫu số 5).

7. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.1. Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

7.2. Kê khai năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 6).

8. Đăng ký lao động huy động thực hiện giờ chạy xe (Mẫu số 7).

9. Bảng kê chất lượng dịch vụ.

10. Đảm bảo an toàn giao thông.

10.1. Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 8).

10.2. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 9).

11. Bảng kê đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 10).

Mẫu số 1

Tên đơn vị ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ngày..... tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN[1]

Kính gửi: _____ *[Ghi tên Sở GTVT tổ chức lựa chọn]*

(sau đây gọi là cơ quan tổ chức lựa chọn)

Sau khi nghiên cứu biểu đồ chạy xe công bố trên Trang Thông tin điện tử của Sở GTVT: ……. , đơn vị: ……. (*Ghi tên đơn vị đăng ký lựa chọn)*, đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô tại các giờ xe xuất bến ……. (*Ghi các giờ xe xuất bến đăng ký khai thác)*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị cấm khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất về kỹ thuật và phương án tổ chức đưa ra trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.

Đại diện hợp pháp của

đơn vị đăng ký lựa chọn[2]

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đơn vị tham gia lựa chọn lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của cơ quan tổ chức lựa chọn, đơn vị đăng ký lựa chọn, được đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn ký tên, đóng dấu.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của đơn vị ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Nếu được xếp hạng thứ nhất trong danh sách các đơn vị đăng ký lựa chọn, trước khi ra quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn, đơn vị phải trình cơ quan lựa chọn bản sao có chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Đơn vị tham gia lựa chọn bị coi là gian lận và Hồ sơ lựa chọn được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 2

Tên đơn vị...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày …… tháng …. năm …., tại …..

Tôi là …… (*Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của đơn vị)*, là người đại diện theo pháp luật của ……. (*Ghi tên đơn vị)* có địa chỉ tại ……. (*Ghi địa chỉ của đơn vị)* bằng văn bản này ủy quyền cho …… (*Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền)* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự lựa chọn đơn vị khai thác trên tuyến vận tải hành khách cố định …….. (*Ghi tên tuyến vận tải hành khách cố định tổ chức lựa chọn)* do …….. (*Ghi tên cơ quan tổ chức lựa chọn)* tổ chức:

[- Ký đơn đăng ký lựa chọn;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với cơ quan tổ chức lựa chọn trong quá trình tham gia lựa chọn, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ lựa chọn; ký văn bản sửa đổi, thay thế, rút Hồ sơ lựa chọn;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp đơn vị có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với các bến xe nếu được lựa chọn.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ……. (*Ghi tên đơn vị). …….* (*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị)* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do …….. (*Ghi tên người được ủy quyền)* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày …… đến ngày …… [3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ….. bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ….. bản, người được ủy quyền giữ …… bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

---

[1] Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho cơ quan tổ chức lựa chọn cùng với đơn đăng ký lựa chọn. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của đơn vị cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của đơn vị để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị thực hiện một, một số hoặc hay toàn bộ các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của đơn vị hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

[2] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

[3] Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn.

Mẫu số 3

Tên đơn vị...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ..., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....
Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.
Bến đi:.....
Bến đến:.....
Cự ly vận chuyển:.....km.
Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.
2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

b) Chiều về: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.
4. Tốc độ lữ hành: km/h.
5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:…….

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2	…	…	…	…	…
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			

2	Nốt (tài) 2			
	....			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:……., sức chứa:……, năm sản xuất
- Số lượng xe:……

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị:…… xe.

STT	Biển số xe	Mác xe	Năm sản xuất	Sức chứa (hoặc số ghế) của xe	Lắp đặt TBGSHT		Ghi chú
					Có	Chưa	
1							
2							
3							
…							
…							

Ghi chú: Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;

- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị);

- Tên và tài khoản truy cập dữ liệu thiết bị GSHT của xe.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN HUY ĐỘNG THỰC HIỆN GIỜ CHẠY XE

1. Số lượng phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe):…… xe.

2. Danh sách xe đăng ký:

TT	Biển số xe	Mác xe	Năm sản xuất	Loại ghế ngồi		Các trang thiết bị khác trên xe ([1])				
				Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm	Ghế có tựa lưng cố định	Điều hòa nhiệt độ	Wifi	Video	Công cụ hỗ trợ người khuyết tật	Dụng cụ che nắng
1										
2										
...										

3. Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe)([2]): ……. năm.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

([1]): Nếu có nội dung này các đơn vị điền vào bảng, nếu không có để trống.

([2]): Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

Mẫu số 6

NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN

TT	Nội dung	Trực tiếp của đơn vị	Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng	Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng	Ghi chú
1	Năng lực bảo dưỡng phương tiện				

Ghi chú:

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện cần kê khai chi tiết quy mô nhà xưởng, các loại trang thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng kèm theo tài liệu chứng minh.

- Đối với trường hợp thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng: đơn vị cung cấp hợp đồng thuê bảo dưỡng kèm theo.

- Đối với trường hợp đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng: đơn vị cung cấp biên bản giao hoặc các tài liệu chứng minh khác kèm theo.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số7

Tên đơn vị...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... ..., ngày..... tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ LAO ĐỘNG HUY ĐỘNG THỰC HIỆN GIỜ CHẠY XE

1. Tổng số lao động:

- Số lái xe: ……. người
- Số nhân viên phục vụ: …....người

2.Danh sách lái xe cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

STT	Lái xe	Số năm thâm niên	Số năm làm việc tại đơn vị	Tập huấn	
				Có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn	Không có chứng chỉ tập huấn hoặc có nhưng hết thời hạn
1	……				
2	……				
….	……				
….	……				

- Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét:…. Năm *(Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét).*

- Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét: ….. năm *(Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng lao động đã ký với đơn vị tham gia lựa chọn để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).*

3. Danh sách nhân viên phục vụ cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

TT	Nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	……	
2	……	
….	……	
….	……	

Ghi chú:

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Lái xe: Hợp đồng lao động; Bản sao Giấy phép lái xe; Sổ bảo hiểm xã hội của lái xe.

- Nhân viên phục vụ: Hợp đồng lao động.

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 8

Tên đơn vị:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /..... *... ... ..., ngày..... tháng.....năm.....*

KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải

1. Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

2. Người phụ trách bộ phận an toàn: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của đơn vị vận tải.

4. Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

5. Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, khám sức khỏe cho lái xe.

II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn

1. Đối với hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy, bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép lái xe đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc; số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 tiếng)/số giờ xe hoạt động trên tuyến trong ngày (24 tiếng).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

III. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông

Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ (nếu có).

IV. Kiểm tra, giám sát về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị GSHT của xe ô tô:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định;

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe (nếu có).

....., ngày..... tháng.... năm.....

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 9

QUY TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

Bước	Nội dung	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Thời điểm thực hiện
1	- Tập hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển của lần gần nhất thông qua thiết bị giám sát hành trình (đối với các phương tiện lắp đặt thiết bị GSHT) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất; - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của lái xe về các vấn đề liên quan đến ATGT.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị VT bắt buộc phải có) hoặc cán bộ được phân công theo dõi ATGT tại các đơn vị VT khác; (Sau đây gọi là: Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.
	- Tập hợp các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển…; - Bố trí xe và lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định).	Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.
2	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe.	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe.

3	Giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe: - Kiểm tra Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận kiểm định; đăng ký xe; Lệnh vận chuyển (đối với vận chuyển khách theo tuyến cố định, xe buýt); - Giao cho lái xe các giấy tờ khác phải mang theo như: Hợp đồng vận tải, giấy vận tải …; - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất. - Thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển …; - Kiểm tra nồng độ cồn đối với lái xe (nếu có thiết bị); - Ghi chép vào Sổ giao nhiệm vụ cho lái xe (theo mẫu số 1), lái xe ký xác nhận.	Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe.	Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.
4	Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện: - Xác nhận lái xe qua thiết bị GSHT (đối với xe có lắp đặt) và kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT; - Kiểm tra nước làm mát, dầu động cơ, bình điện, các dây cu roa; - Kiểm tra hệ thống lái; - Kiểm tra các bánh xe (độ chặt của bu lông bánh xe, tình trạng và áp suất của lốp); - Khởi động phương tiện và kiểm tra hoạt động của gạt nước, còi và các loại đèn;	Lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển.	Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành.

	- Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh (thắng); - Ghi chép kết quả kiểm tra vào biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật (theo Mẫu số 2), ký xác nhận và chuyển biểu mẫu cho cán bộ được lãnh đạo phân công.		
5	Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT tiếp nhận biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận: - Nếu tất cả các nội dung kiểm tra đều đạt yêu cầu, xe được phép thực hiện nhiệm vụ vận chuyển; - Nếu có nội dung không đảm bảo yêu cầu, thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc dừng xe đưa vào sửa chữa, đồng thời thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe khác thay thế; - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện.	Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị có bộ phận ATGT) hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công.	Trước khi xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển.
6	- Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị GSHT, nhắc nhở lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT (áp dụng cho các phương tiện có lắp đặt thiết bị GSHT); - Thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, báo cáo Lãnh đạo đơn vị xử lý; - Tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thông trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông.	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Khi xe đang hoạt động trên đường.
7	- Thực hiện nghiêm các quy định về	Lái xe.	Khi xe

	an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa; - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý.		đang hoạt động trên đường.
8	- Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có); - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải; - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình kinh doanh vận tải.	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Theo tháng, quý, năm.
9	- Thống kê quãng đường đã thực hiện được; - Trên cơ sở thống kê quãng đường xe đã thực hiện, căn cứ vào chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện để thực hiện bảo dưỡng phương tiện theo đúng kỳ cấp; - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện.	Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT.	Sau khi kết thúc hành trình.

Mẫu số 10

BẢNG KÊ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

STT	Nội dung kỹ thuật	Chỉ tiêu	Cách ghi	Ghi chú
I	**Phương tiện vận chuyển**			
1.1	***Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiệnhuy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe) đang xét***		Ghi số năm	
1.2	***Loại ghế ngồi***			
a	Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm		Đánh dấu vào loại ghế của phương tiện	
b	Ghế có tựa lưng cố định			
1.3	***Các trang bị khác trên xe***			
a	Điều hòa nhiệt độ		Có/không	
b	Wifi			
c	Video			
d	Công cụ hỗ trợ người khuyết tật			
e	Dụng cụ che nắng			
II	**Năng lực bảo dưỡng phương tiện**			
2.1	***Trực tiếp của đơn vị***		Đánh dấu vào phương án đề xuất	
2.2	***Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng***			
2.3	***Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng***			
III	**Lái xe**			
3.1	***Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét***		Ghi số năm	
3.2	***Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét***		Ghi số năm	
3.3	Tất cả các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét đều có chứng chỉ tập huấn		Có/không	

STT	Nội dung kỹ thuật	Chỉ tiêu	Cách ghi	Ghi chú
	còn thời hạn			
IV	**Chất lượng dịch vụ vận tải**			
4.1	***Đón trả khách***			
a	Chạy suốt không đón trả khách dọc đường		Đánh dấu vào phương án đề xuất	
b	Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách đã được cơ quan có thẩm quyền công bố			
c	Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách không được cơ quan có thẩm quyền công bố			
4.2	***Hành trình chạy xe***			
a	Hành trình chạy xe đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố		Đánh dấu vào phương án đề xuất	
b	Hành trình chạy xe không đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố			
4.3	**Điểm dừng nghỉ dọc hành trình** (Áp dụng đối với các tuyến có thời gian thực hiện hành trình từ 04 tiếng trở lên)			
a	Vào trạm dừng, nghỉ đã được cơ quan quản lý công bố và có ký hợp đồng phục vụ		Đánh dấu vào phương án đề xuất	
b	Vào điểm dừng nghỉ có ký hợp đồng phục vụ và cam kết chất lượng phục vụ			
c	Không dừng nghỉ hoặc có vào điểm dừng nghỉ nhưng không ký hợp đồng phục vụ			
4.4	***Quyền lợi của hành khách***			
a	Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến		Đánh dấu vào phương án đề xuất	
	Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường có lợi hơn cho hành khách so với mức quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến.			

STT	Nội dung kỹ thuật	Chỉ tiêu	Cách ghi	Ghi chú
	Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo đúng quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến			
	Không có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến			
b	Có quy định và cam kết thực hiện các quy định khác có lợi cho hành khách ngoài các quy định của pháp luật		Có/Không	

*** Ghi chú:** Hướng dẫn cụ thể các xác định một số chỉ tiêu

1. Đối với phương tiện

Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

2. Đối với lái xe

2.1. Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét.

2.2. Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng lao động đã ký với đơn vị vận tải để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).

61. Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách khách theo tuyến cố định

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc gửi qua đường bưu điện, từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy(buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công.

Trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử

- Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến (theo mẫu);

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (theo mẫu);

+ Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải

g) Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản thông báo khai thác tuyến thành công hoặc văn bản thông báo khai thác tuyến không thành công và nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến (Phụ lục 2a của Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT).

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (Phụ lục 15 của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT).

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định (Phụ lục 7 của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tuyến vận tải hành khách cố định phải nằm trong quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Giờ xe xuất bến phải nằm trong biểu đồ chạy xe đã được cơ quan có thẩm quyền công bố và chưa có đơn vị khai thác (khoản 2 điều 14 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT được Thông tư 60/2015/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung)

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT

ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Phụ lục 2a

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2015/TT-BGTVT ngày .. tháng .. năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../..... *....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ……

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: ……

2. Địa chỉ: ……..

3. Số điện thoại (Fax): ……..

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... do …*(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày ...../...../.....

5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến: ……

Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)

Bến xe đi:..... Bến xe đến:..... (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: ……. giờ.... phút, vào các ngày.....

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày.....

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:…… ……

Cự ly vận chuyển: .....km.

Hành trình chạy xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(2) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Phụ lục 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... ..., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại……

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

b) Chiều về: xuất bến tại:……..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....
- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....
-....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:……

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:……

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					

...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:…….

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:…….

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:…….

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:…….

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2	…	…	…	…	…
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú

1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
	....			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.
- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:……., sức chứa:……, năm sản xuất
- Số lượng xe:……

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:..... /.....	*... ... ..., ngày..... tháng.....năm.....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác (Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng giao thông vận tải)

I. Lĩnh vực đường thủy nội địa

1. Thủ tục xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với tàu biển.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với tàu biển và nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248).

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần(buổisáng từ 7giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 02 giờ làm việckể từ khi nhận đủ hồ sơ Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy tại Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu quy định (02 bản);

+ Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần liên quan đến vụ việc (02 bản);

+ Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

* Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính)

+ Bản Nhật ký hàng hải những phần liên quan đến vụ việc.

+ Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 02 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trình báo đường thủy nội địa.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Trình báo đường thủy nội địa (Phụ lục ban hành kèm Thông tư 69/2014/TT-BGTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp tàu biển bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ Đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tàu biển bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố trước khi mở nắp hầm hàng.

Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát

đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp không thể trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư 69/2014/TT-BGTVT thì trong trình báo đường thủy nội địa phải ghi rõ nguyên nhân của sự chậm trễ đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

-Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
NOTICE OF INLAND WATERWAY

Kính gửi/ *To*:……

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/*Name of Captain (vessel operator)*:.....
- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/*Identity card (passport) number*:.....
- Chức danh/*Position*:.....
- Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:*.....
2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/*Time of the accident, incident*:.....
3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/*Location of the accident, incident*:.....
.....
4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/*Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident*:
5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/*Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel)*:.....
.....
6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/*Damage caused by the accident, incident*:
.....
.....
7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/*The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:*.....

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./. *I am liable for the accuracy of the information mentioned above./.*

… …, ngày… … tháng… … năm… …
… …., date/month/year

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Certified by the competent authority

Thuyền trưởng (người lái phương tiện)
Captain (vessel operator)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)
Signature, name and seal (if applicable)

Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ
Signature of the chief engine or a sailor

2. Thủ tục trình xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối phương tiện thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa và nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248).

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần(buổisáng từ 7giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy tại Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Trình báo đường thủy nội địa (theo mẫu), (02 bản);

+ Bản saotự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có), (02 bản).

* Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính)

+ Bản tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 02 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trình báo đường thủy nội địa.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Trình báo đường thủy nội địa (Phụ lục ban hành kèm Thông tư 69/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ Đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố trước khi mở nắp hầm hàng.

Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp không thể trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 6 Thông tư 69/2014/TT-BGTVT thì trong trình

báo đường thủy nội địa phải ghi rõ nguyên nhân của sự chậm trễ đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

-Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
NOTICE OF INLAND WATERWAY

Kính gửi/ *To*:……

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/*Name of Captain (vessel operator)*:.....
- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/*Identity card (passport) number*:.....
- Chức danh/*Position*:.....
- Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:*.....
2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/*Time of the accident, incident*:.....
3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/*Location of the accident, incident*:.....
.....
4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/*Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident*:
5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/*Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel)*:.....
.....
6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/*Damage caused by the accident, incident*:
.....
.....
7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/*The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:*.....

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./. *I am liable for the accuracy of the information mentioned above./.*

……, ngày…… tháng…… năm……
……, date/month/year

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Certified by the competent authority

Thuyền trưởng (người lái phương tiện)
Captain (vessel operator)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)
Signature, name and seal (if applicable)

Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ
Signature of the chief engine or a sailor

3. Thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa đối phương tiện tàu cá.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền chuẩn bị đầy đủ hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy nội địa đối với phương tiện tàu cá và nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248).

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ:Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần(buổisáng từ 7giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trongthời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp hồ sơ xác nhận trình báo đường thủy tại Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ 02 Bản Trình báo đường thủy nội địa (theo mẫu);

+ 02 Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

* Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính)

+ Bản Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 02 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh

g) Kết quả thủ tục hành chính: Xác nhận trình báo đường thủy nội địa.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Trình báo đường thủy nội địa (Phụ lục ban hành kèm Thông tư 69/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Trường hợp phương tiện tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ Đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp phương tiện tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố trước khi mở nắp hầm hàng.

Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi tàu biển ghé vào cảng thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp không thể trình báo đường thủy nội địa trong thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 6 Thông tư 69/2014/TT-BGTVT thì trong trình

báo đường thủy nội địa phải ghi rõ nguyên nhân của sự chậm trễ đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
NOTICE OF INLAND WATERWAY

Kính gửi/ *To*:……

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/*Name of Captain (vessel operator)*:.....
- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/*Identity card (passport) number*:.....
- Chức danh/*Position*:.....
- Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:*.....
2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/*Time of the accident, incident*:.....
3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/*Location of the accident, incident*:.....
.....
4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/*Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident*:
5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/*Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel)*:.....
.....
6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/*Damage caused by the accident, incident*:
.....
.....
7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/*The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:*.....

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./. *I am liable for the accuracy of the information mentioned above./.*

… …, ngày… … tháng… … năm… …
… …., date/month/year

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Certified by the competent authority

Thuyền trưởng (người lái phương tiện)
Captain (vessel operator)
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có)
Signature, name and seal (if applicable)

Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ
Signature of the chief engine or a sailor

4. Thủ tục cấp giấy phép đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm nộp và xuất trình bản chính các giấy tờ cho Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248).

Hoặc tại các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh (theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư 83/2015/TT-BGTVT), cụ thể như sau:

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 1 (địa chỉ 202 Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, điện thoại: 37815744), phục trách địa bàn quản lý: quận 6, quận 7; một phần quận 5, quận 8, huyện Nhà Bè, Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: Tuyến Rạch Ông Lớn - Kênh Cây Khô; Tuyến Kênh Đôi (từ cầu Nhị Thiên Đường đến ngã 3 sông Cần Giuộc); Tuyến Hàng hải: Sông Nhà Bè (từ ngã 3 Đèn Đỏ đến ngã 3 Sông Phú Xuân - quận 7).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 2 (địa chỉ Bờ phải rạch Bà Cua, cách cầu Xây Dựng khoảng 270m về phía hạ lưu, thuộc tổ 42, khu phố 3, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, điện thoại: 66793881), phục trách địa bàn quản lý: quận 2, quận 9, quận Thủ Đức; tuyến hàng hải: Sông Đồng Nai (từ ngã 3 Rạch Ông Nhiêu đến ngã 3 Đèn Đỏ thuộc địa bàn quận 2, quận 9).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 3 (địa chỉ Kế bên D1/2A Dương Đình Cúc, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, điện thoại: 37564079), phục trách địa bàn quản lý: quận 12, quận Gò Vấp; huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi; một phần quận Bình Thạnh và huyện Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (đoạn bờ phải Sông Sài Gòn từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến ngã 3 Sông Vàm Thuật thuộc địa bàn quận 12).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 4 (địa chỉ 72/790 Nguyễn Văn Dung phường 6, quận Gò Vấp, điện thoại: 38951101), phục trách địa bàn quản lý: quận 12, Gò Vấp; huyện Hóc Môn, Củ Chi; một phần quận Bình Thạnh và huyện Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (đoạn bờ phải Sông Sài Gòn từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến ngã 3 Sông Vàm Thuật thuộc địa bàn quận 12).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 5 (địa chỉ: 118/1B Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, điện thoại: 37770286), phục trách địa bàn quản lý: huyện Cần Giờ; một phần huyện Nhà Bè; tuyến hàng hải: Sông Lòng tàu, Sông Ngã Bảy, sông Dừa, Tắc Dinh Cậu, rạch Tắc Rỗi, sông Nhà Bè (từ ngã 3 sông Phú Xuân đến ngã 3 sông Soài Rạp thuộc địa bàn huyện Nhà Bè); sông Soài Rạp.

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 6 (địa chỉ cạnh nhà số 196 Tôn Thất Thuyết, phường 13, quận 4, điện thoại: 39451360), phục trách địa bàn quản lý: quận 1, quận 4; một phần quận 5, quận 8, quận Bình Thạnh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Kênh Tẻ, kênh Đôi (từ cầu Chữ Y đến cầu Nhị Thiên Đường); tuyến hàng hải : từ cầu Sài Gòn đến ngã 3 Đèn Đỏ thuộc địa bàn quận Bình Thạnh, quận 1, quận 2 và quận 4.

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 7 (địa chỉ số 622 khu viên cụm cảng Trường Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, điện thoại 37313462), phục trách địa bàn quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến Cầu Sài Gòn, kênh đào nối Sông Sài Gòn) do Trung ương ủy quyền quản lý.

* **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả**:24/24 giờ các ngày trong tuần, kể cả ngày lễ, tết.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 phút kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc thực hiện cấp Giấy phép cho phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa.

b) Cách thức thực hiện:Nộp trực tiếp tại Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Giấy phép rời cảng, bến cuối cùng (đối với phương tiện chuyển tải, sang mạn trong vùng nước cảng, bến thủy thì không phải nộp giấy phép rời cảng, bến);

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực;

+ Sổ danh bạ thuyền viên.

* Giấy tờ xuất trình:

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trong trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp);

+ Bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;

+ Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa, danh sách hành khách.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 30 phút kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

-Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 1;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 2;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 3;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 4;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 5;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 6;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 7.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa

h) Phí, lệ phí:

- Phí trọng tải lượt vào: 165 đồng/tấn trọng tải toàn phần/lượt

* Các quy định cụ thể về phí, lệ phí:

- Trường hợp trong cùng một chuyến đi, phương tiện vào, ra nhiều cảng bến thủy nội địa thuộc cùng một đại diện Cảng vụ quản lý thì chỉ phải chịu một lần phí, lệ

phí theo quy định.

- Phương tiện vào, ra cảng không nhằm Mục đích bốc dỡ hàng hóa, không nhận trả khách áp dụng mức thu phí trọng tải bằng 70% (bảy mươi phần trăm) mức thu phí trọng tải quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các phương tiện thủy nội địa chỉ được phép vào cảng, bến thủy nội địa khi có đủ các điều kiện về an toàn và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

- Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc kiểm tra thực tế lần đầu, từ lần thứ hai trong ngày chỉ kiểm tra điều kiện an toàn theo quy định.

- Các phương tiện thủy nội địa chỉ được phép vào cảng, bến thủy nội địa khi đã được cấp Giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư số59/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

- Thông tư 83/2015/TT-BGTVT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa

Mẫu số 14

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN
Số: ……/GP

Tên phương tiện: .....

Số đăng ký: .....

Chủ phương tiện: .....

Tên thuyền trưởng: .....

Trọng tải đăng ký: ……(T)…….(ghế).....

Trọng tải thực tế: ……(T)……..(ghế).....

Loại hàng: .....

Được vào cảng, bến để: .....

Trong thời hạn: từ…… giờ…… ngày....

đến…….. giờ…… ngày.....

Ngày…… tháng…… năm……
TL. GIÁM ĐỐC
Trưởng Văn phòng đại diện
Cảng vụ ĐTNĐ (1)

CẢNG VỤ ĐTNĐ ...(1)...

Số:…… /GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP VÀO CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ (1)

Cho phép phương tiện thủy: …….. Số đăng ký: .....

Chủ phương tiện: .....

Tên thuyền trưởng: .....

Trọng tải đăng ký: ……. Tấn …… Ghế.....

Trọng tải thực tế: ……. Tấn …… Ghế.....

Loại hàng:.....

Vào cảng, bến để: .....

Trong thời hạn: từ ……. giờ ……. ngày ……. đến ……. giờ ……. ngày …….

Ngày…… tháng…… năm……
TL. GIÁM ĐỐC
Trưởng Văn phòng Đại diệnCảng vụ ĐTNĐ (1)

Ghi chú: Giấy này phải được giữ trên phương tiện trong thời gian phương tiện đậu tại cảng, bến.

5. Thủ tục cấp giấy phép đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện có trách nhiệm xuất trình bản chính các giấy tờ cho Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248).

Hoặc tại các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa thực thuộc Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 1 (địa chỉ 202 Phạm Hữu Lầu, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, điện thoại: 37815744), phục trách địa bàn quản lý: quận 6, quận 7; một phần quận 5, quận 8, huyện Nhà Bè, Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: Tuyến Rạch Ông Lớn - Kênh Cây Khô; Tuyến Kênh Đôi (từ cầu Nhị Thiên Đường đến ngã 3 sông Cần Giuộc); Tuyến Hàng hải: Sông Nhà Bè (từ ngã 3 Đèn Đỏ đến ngã 3 Sông Phú Xuân - quận 7).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 2 (địa chỉ Bờ phải rạch Bà Cua, cách cầu Xây Dựng khoảng 270m về phía hạ lưu, thuộc tổ 42, khu phố 3, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, điện thoại: 66793881), phục trách địa bàn quản lý: quận 2, quận 9, quận Thủ Đức; tuyến hàng hải: Sông Đồng Nai (từ ngã 3 Rạch Ông Nhiêu đến ngã 3 Đèn Đỏ thuộc địa bàn quận 2, quận 9).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 3 (địa chỉ Kế bên D1/2A Dương Đình Cúc, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, điện thoại: 37564079), phục trách địa bàn quản lý: quận 12, quận Gò Vấp; huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi; một phần quận Bình Thạnh và huyện Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (đoạn bờ phải Sông Sài Gòn từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến ngã 3 Sông Vàm Thuật thuộc địa bàn quận 12).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 4 (địa chỉ 72/790 Nguyễn Văn Dung phường 6, quận Gò Vấp, điện thoại: 38951101), phục trách địa bàn quản lý: quận 12, Gò Vấp; huyện Hóc Môn, Củ Chi; một phần quận Bình Thạnh và huyện Bình Chánh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (đoạn bờ phải Sông Sài Gòn từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến ngã 3 Sông Vàm Thuật thuộc địa bàn quận 12).

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 5 (địa chỉ: 118/1B Huỳnh Tấn Phát,

xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, điện thoại: 37770286), phục trách địa bàn quản lý: huyện Cần Giờ; một phần huyện Nhà Bè; tuyến hàng hải: Sông Lòng tàu, Sông Ngã Bảy, sông Dừa, Tắc Dinh Cậu, rạch Tắc Rỗi, sông Nhà Bè (từ ngã 3 sông Phú Xuân đến ngã 3 sông Soài Rạp thuộc địa bàn huyện Nhà Bè); sông Soài Rạp.

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 6 (địa chỉ cạnh nhà số 196 Tôn Thất Thuyết, phường 13, quận 4, điện thoại: 39451360), phục trách địa bàn quản lý: quận 1, quận 4; một phần quận 5, quận 8, quận Bình Thạnh; các tuyến đường thủy nội địa quốc gia do Trung ương ủy quyền quản lý: tuyến Kênh Tẻ, kênh Đôi (từ cầu Chữ Y đến cầu Nhị Thiên Đường); tuyến hàng hải : từ cầu Sài Gòn đến ngã 3 Đèn Đỏ thuộc địa bàn quận Bình Thạnh, quận 1, quận 2 và quận 4.

+ Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 7 (địa chỉ số 622 khu viên cụm cảng Trường Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, điện thoại 37313462), phục trách địa bàn quản lý: tuyến Sông Sài Gòn (từ ngã 3 Rạch Vĩnh Bình đến Cầu Sài Gòn, kênh đào nối Sông Sài Gòn) do Trung ương ủy quyền quản lý.

*** Thời gian tiếp nhận và trả kết quả**:24/24 giờ các ngày trong tuần, kể cả ngày lễ, tết.

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thời gian giải quyết 30 phút kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc thực hiện cấp Giấy phép cho phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa.

b) Cách thức thực hiện:Nộp trực tiếp tại Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

***** Giấy tờ xuất trình:

+ Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển (đối với phương tiện chở hàng hóa) hoặc danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành

khách);

+ Chứng từ xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật;

+ Giấy tờ liên quan tới những thay đổi so với giấy tờ quy định khi làm thủ tục vào cảng, bến (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 phút, kể từ lúc nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc thuyền phó hoặc người lái phương tiện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 1;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 2;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 3;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 4;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 5;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 6;

- Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa số 7.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép rời cảng, bếnthủy nội địa

h) Phí, lệ phí: Phí trọng tải rời; lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa.

- Phí trọng tải:

+ Phí trọng tải lượt rời:165 đồng/tấn trọng tải toàn phần/lượt

- Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa: của loại phương tiện chở hàng, chở khách, đoàn laicó trọng tải toàn phần:

• Từ 10 tấn đến 50 tấn: 5.000 đồng/chuyến.

• Trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế: 10.000đồng/chuyến.

• Trên 200 đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế:

20.000đồng/chuyến.

• Trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên: 30.000 đồng/chuyến.

• Trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn: 40.000 đồng/chuyến.

• Trên 1.500 tấn trở lên: 50.000 đồng/chuyến.

* Các quy định cụ thể về phí, lệ phí:

- Trường hợp trong cùng một chuyến đi, phương tiện vào, ra nhiều cảng bến thủy nội địa thuộc cùng một đại diện Cảng vụ quản lý thì chỉ phải chịu một lần phí, lệ phí theo quy định.

- Phương tiện vào, ra cảng không nhằm Mục đích bốc dỡ hàng hóa, không nhận trả khách áp dụng mức thu phí trọng tải bằng 70% (bảy mươi phần trăm) mức thu phí trọng tải quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy phép rời cảng, bếnthủy nội địa (Mẫu số 15 ban hành kèm theo phụ lục Thông tư 50/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Các phương tiện thủy nội địa chỉ được phép rời cảng, bến thủy nội địa khi có đủ các điều kiện về an toàn, các điều kiện khác theo quy định của pháp luật; và đã được cấp Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa theo quy định.

- Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh hoặc các Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc kiểm tra thực tế lần đầu, từ lần thứ hai trong ngày chỉ kiểm tra điều kiện an toàn theo quy định. (Khoản 3 Điều 16 Thông tư 50/2014/TT-BGTVT)

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư số 59/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư 83/2015/TT-BGTVT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa.

Mẫu số 15

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN
Số: ……/GP

Giấy phép rời cảng, bến số:..

Tên phương tiện: .....

Chủ phương tiện: .....

Tên thuyền trưởng: .....

Số thuyền viên:.....

Trọng tải đăng ký:
……(T)……..(ghế).....

Số hành khách: .....

Loại hàng: .....

Được rời cảng, bến: .....

Giờ…… ngày…… tháng…… năm.....

Cảng, bến đến:.....

TL. GIÁM ĐỐC
Trưởng Văn phòng đại diện
Cảng vụ ĐTNĐ (1)

CẢNG VỤ ĐTNĐ ...(1)...

Số:…… /GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ (1)

Cho phép phương tiện thủy: .....

Số đăng ký: .....

Chủ phương tiện: .....

Tên thuyền trưởng: .....

Số lượng thuyền viên:.....

Trọng tải: …….. Tấn …… Ghế.....

Loại hàng:…… Số hành khách.....

Được rời cảng, bến…….. giờ…….. ngày…….. tháng…….. năm.....

Cảng, bến đến:…….. để.....

Những điểm lưu ý khi hành trình (luồng lạch; bão, lũ; khi qua cầu và các thông tin cần thiết khác):

.....

……., ngày…… tháng…… năm……
TL. GIÁM ĐỐC
Trưởng Văn phòng Đại diệnCảng vụ ĐTNĐ (1)

6. Thủ tục giahạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện chuẩn bị đầy đủ hồ sơ Giahạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchiavà nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh thuộc Sở Giao thông vận tải (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 39514708, fax: 39514248)

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ:Từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần(buổisáng từ 7giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ).

- Bước 2: Cảng vụ đường thủy nội địa kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và cấp biên nhận hồ sơ cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ chí Minh tiến hành kiểm tra tình hình thực tế và ra văn bản cho phép phương tiện lưu lại Việt Nam.

- Bước 4: Chủ phương tiện, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện căn cứ vào biên nhận hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ để nhận kết quả giải quyết.

b) Cách thức thực hiện:Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy phép vận tải thủy qua biên giới;

+ Giấy đăng ký phương tiện;

+ Đơn đề nghị gia hạn (theo mẫu)

- Sốlượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Cảng vụ đường thủy nội địa thành phố Hồ Chí Minh.

g) Kếtquả thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Lệ phí: 50.000 đồng/1 lần cấp theo quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy Campuchia - Việt Nam (Phụ lục IV Thông tư 08/2012/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (như thiên tai, tai nạn, hỏng … không sửa chữa kịp) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết hạn.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy.

- Thông tư 103/2013/TT-BTC ngày 01/8/2013 của Bộ tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới với Campuchia.

Phụ lục IV

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY CAMPUCHIA - VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 03 năm 2012)

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy của Campuchia

Name of organization or individual applying for extension of Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

GIA HẠN GIẤY PHÉP VẬN TẢI THỦY CAMPUCHIA - VIỆT NAM

APPLICATION FOR EXTENDING OF CAMBODIA-VIET NAM

CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT

Kính gửi (*To*):..

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name of (organization or individual*… … … … … … … … … … … … … … …..

2. Địa chỉ: *(Address)* ………………………………………………………………………..

3.Số điện thoại: *(Tel No.)*......................... Số Fax: *(Fax No.):* ....

4.Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số (Nếu có) *(Business Registration Certificate or Investment License No).(If any).:*… …

Ngày cấp *(Date of issue)* … … … … … ....Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*… … … … … … … ….

5. Giấy phép vận tải thủy qua biên giới số *(Cambodia - Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.):* ....Ngày cấp *(Date of issue)* … … … … … … … Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*… … … … … … ……

6. Đề nghị Sở GTVT …… ……………gia hạn Giấy phép vận tải thủy Campuchia - Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of..............to extend the validity of Cambodia - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vessel(s):*

- Số đăng ký của phương tiện xin gia hạn *(Registration No.):* … … … … … … … … … … … … … … …..

- Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ……. tháng …... năm …..

Entry into Viet Nam, date … …….. month … ..... year ....

- Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):

Proposed extended duration (choose one of the two following options):

+ Gia hạn giấy phép vận tải thủy*: ….ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm*

Extension for: …. … … …days, from date… … month ..... year … … to date … ….month … year ....

+ Gia hạn chuyến đi:…………ngày, từ ngày … tháng … năm … đến ngày … tháng … năm … ….

Extension for Journey : … … … … days, from date … month … year … to date … ..month … year …

7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension):……………………………………………………..*

………
………
……………………………………………………………………………………….

8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép vận tải thủy Campuchia - Việt Nam cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Cambodia-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vessel and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thuỷ. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese Laws as well as the provisions of the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Cambodia on Inland Waterway Transport).*

....., Ngày(*Date*)…….tháng*(month)*…….năm *(year)*….

Tổ chức, cá nhân (organization or individual)

Ký tên/Signature

Thuyền trưởng, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền

(Captain, vessel's owner or authorized person).

II. Lĩnh vực đường bộ

1. Thủ tục cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân nộp hồ sơ tại Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh (số 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

- Bước 2: Kiểm tra, tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và tổ chức kiểm tra cho người học.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Trường Cao đẳng giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh trình Sở Giao thông vận tải cấp chứng chỉ.

- Bước 4: Cá nhân liên hệ Trường Cao đẳng giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (theo mẫu);

+ 03 (ba) ảnh màu cỡ 2 x 3cm, ảnh chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (bản photocopy)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết:

+ Thời gian khóa học: 32 giờ (kể từ lúc khai giảng khóa học);

+ Thời gian giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

g) Kết quả thủ tục hành chính: Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Phụ lục 1 Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT).

i) Phí, lệ phí:

- Học phí học do cơ sở dạy nghề xây dựng theo quy định và thỏa thuận với học viên;

- Mức lệ phí cấp chứng chỉ : 30.000 đồng/chứng chỉ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hợp pháp tại Việt Nam;

+ Đủ 18 tuổi trở lên;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008

- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dung tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái

xe cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

- Thông tư 73/2012/TT-BTC ngày 14 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

PHỤ LỤC 1

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: …….

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: …….. tháng ….. năm .....

Nơi cư trú:.....

Số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) .....

Ngày cấp: ……. Nơi cấp: .....

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

… … …, ngày …. tháng …. năm 20 …..
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

** Xin gửi kèm theo:*

- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm mới chụp không quá 06 tháng theo kiểu CMND;

- 01 Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (bản photocopy).

2. Thủ tục cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân đến nộp hồ sơ tại Phòng Đào tạo - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh (số 252 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu và buổi sáng thứ bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ) hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trường Cao đẳng giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh trình Sở Giao thông vận tải cấp đổi, cấp lại chứng chỉ. Trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Bước 4: Nhận kết quả trực tiếp tại Phòng Đào tạo - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (theo mẫu);

+ 03 (ba) ảnh màu cỡ 2 x 3cm, ảnh chụp không quá 6 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (bản photocopy)

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

g) Kết quả thủ tục hành chính: Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (Phụ lục 8 Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT).

i) Phí, lệ phí:

- Mức lệ phí cấp chứng chỉ : 30.000 đồng/chứng chỉ

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người có chứng chỉ bị hỏng, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008 có hiệu lực từ 01/7/2009;

- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dung tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

- Thông tư 73/2012/TT-BTC ngày 14 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

PHỤ LỤC 8

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Ảnh 2x3 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: …….

Tên tôi là: .....

Sinh ngày: …….. tháng ….. năm .....

Nơi cư trú:.....

Số Giấy chứng minh nhân dân (hoặc Hộ chiếu) .....

Ngày cấp: ……. Nơi cấp: .....

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do ……. cấp, đổi, cấp lại; số Chứng chỉ: …… cấp ngày … tháng … năm …..

Lý do xin đổi, cấp lại: .....

Đề nghị …… đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

… … …, ngày …. tháng …. năm 20 …..

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

** Xin gửi kèm theo:*

- 03 ảnh màu kích thước 2x3 cm mới chụp không quá 06 tháng kiểu CMND;

- Giấy CMND hoặc hộ chiếu (Bản photocopy, có bản chính để đối chiếu).